TÒA ÁN ND HUYỆN LẠNG GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH BẮC GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 29/4/2020.
V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, BẮC GIANG

***Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán sơ cấp - chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Hằng.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Vinh và ông Giáp Đức Sơn.

***- Thư ký ghi biên bản phiên toà*:** Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện VKS nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 29/4/2020 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/12/2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2020, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1988 – (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: Anh Đỗ Duy P, sinh năm 1986 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã Quang Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện tranh chấp hôn nhân gia đình ghi ngày 07/12/2019 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Đỗ Duy P kết hôn ngày 09/11/2012, trước khi cưới có tìm hiểu thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang Thịnh. Sau khi cưới vợ chồng chị về chung sống với nhau tại gia đình anh P.

Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh P là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đầu tháng 12/2019 chị bỏ về mẹ đẻ sống do anh P đánh đuổi và vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ từ đó.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Đỗ Duy P không còn nên chị thiết tha đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Đỗ Duy Tây, sinh ngày 03/5/2015 và Đỗ Duy Bắc, sinh ngày 23/9/2017. Hiện tại cả hai con đều phát triển bình thường và đều đang do chị chăm sóc nuôi dưỡng. Nay vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trước phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

+ Bị đơn anh Đỗ Duy P: Do anh P không hợp tác nên không có lời khai. Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đã đến tại gia đình anh P và tiến hành giao các loại giấy báo, thông báo, giấy triệu tập, quyết định và các thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, hợp lệ và đúng trình tự pháp luật, phía anh P đã ký nhận các văn bản tố tụng nhưng không viết bản tự khai, không khai gì khi Tòa án tiến hành lấy lời khai và cũng không có quan điểm gì nộp cho Tòa án. Do vậy Toà án nhân dân huyện Lạng Giang không ghi được lời khai của anh Đỗ Duy P. Tại phiên toà hôm nay anh P vắng mặt.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật củaThẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ tranh chấp. Việc giao gửi các văn bản tố tụng và hồ sơ cho VKS nghiên cứu đầy đủ, đúng quy định; HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn anh Đỗ Duy P không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc mặc dù đã được Tòa án giao đầy đủ các thủ tục tố tụng tại gia đình và địa P theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị S vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xin được vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Duy P vẫn vắng mặt lần thứ hai.

- Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án, Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Đỗ Duy P.

Về con chung: Xử giao cho chị S tiếp nuôi cả hai con chung là Đỗ Duy T, sinh ngày 03/5/2015 và Đỗ Duy B, sinh ngày 23/9/2017. Chị S không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

Án phí: Chị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

- Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không.

XÉT THẤY

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị S và anh Đỗ Duy P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm, vợ chồng đã cắt đứt quan hệ từ tháng 12/2019 đến nay, hiện tại chị S đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, phía anh P cố tình không hợp tác khi Tòa án giải quyết vụ án. Qua điều tra xác minh tại chính quyền địa P cũng như gia đình của anh Đỗ Duy P thể hiện khi Tòa án đến tại gia đình anh P giao thông báo thụ lý vụ án phía anh P có ký các biên bản và có biết việc chị S làm đơn xin ly hôn, nhưng anh P không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện quan điểm của mình nên Tòa án không ghi được lời khai của anh P.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh P đã trầm trọng, phía chị S làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, anh P cố tình không đến Tòa án để làm việc và cũng không gọi điện hoặc có thông tin gì với chị S nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do vậy cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Đỗ Duy P là phù hợp với các Điều 51; Điều 56; Điều 58 luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Vợ chồng chị S, anh P có 02 con chung Đỗ Duy T, sinh ngày 03/5/2015 và Đỗ Duy B, sinh ngày 23/9/2017, hiện các cháu phát triển bình thường và đang do chị S nuôi dưỡng chăm sóc. Phía chị S vẫn mong muốn xin được tiếp tục nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh P phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh P không hợp tác nên HĐXX xét cần tiếp tục giao con chung của vợ chồng cho chị S nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống và việc học tập của cháu, phía anh P có quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, xét là phù hợp Điều 81; Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị S không đề nghị do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của BLTTDS.

Việc anh Đỗ Duy P vắng mặt tại phiên toà ngày 30/3/2020 và phiên toà hôm nay, mọi thủ tục giao văn bản tố tụng của Toà án nhân dân huyện Lạng Giang đối với anh P khi giải quyết vụ án đầy đủ, hợp lệ, đúng pháp luật. Do vậy quyền lợi của anh P đã được đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 51; Điều 56 và Điều 58; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HNGĐ năm 2015. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1/ Quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Đỗ Duy P.

2/ Con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị S tiếp tục nuôi cả hai con chung là Đỗ Duy T, sinh ngày 03/5/2015 và Đỗ Duy B, sinh ngày 23/9/2017. Chị S không yêu cầu anh P phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Đỗ Duy P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Án phí: Chị Nguyễn Thị S phải phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0002063 ngày 17/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt bản án vắng mặt hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Thi hành án;
- UBND xã.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hằng